CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc
Số: 1605 /2022/BC-SHS	*Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2022*

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Kính gửi: **Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam**
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Quý Sở Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 11/2022 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HSX tháng 11/2022

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA	PDR		AAA
2	AAT	HID		AAT
3	ABS			ABS
4	ABT			ABT
5	ACB			ACB
6	ACC			ACC
7	ACL			ACL
8	ADG			ADG
9	ADS			ADS
10	AGG			AGG
11	AGR			AGR
12	ANV			ANV
13	APC			APC
14	APG			APG
15	APH			APH
16	ASM			ASM
17	BAF			BAF
18	BBC			BBC
19	BCG			BCG
20	BCM			BCM
21	BFC			BFC
22	BHN			BHN
23	BIC			BIC
24	BID			BID
25	BKG			BKG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
26	BMC			BMC
27	BMI			BMI
28	BMP			BMP
29	BRC			BRC
30	BSI			BSI
31	BTP			BTP
32	BVH			BVH
33	BWE			BWE
34	C32			C32
35	C47			C47
36	CAV			CAV
37	CCL			CCL
38	CDC			CDC
39	CHP			CHP
40	CII			CII
41	CKG			CKG
42	CLC			CLC
43	CLL			CLL
44	CMG			CMG
45	CMX			CMX
46	CNG			CNG
47	CRC			CRC
48	CRE			CRE
49	CSM			CSM
50	CSV			CSV
51	CTD			CTD
52	CTF			CTF
53	CTG			CTG
54	CTI			CTI
55	CTR			CTR
56	CTS			CTS
57	CVT			CVT
58	D2D			D2D
59	DAG			DAG
60	DAH			DAH
61	DBC			DBC
62	DBD			DBD
63	DBT			DBT
64	DCL			DCL
65	DCM			DCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
66	DGC			DGC
67	DGW			DGW
68	DHA			DHA
69	DHC			DHC
70	DHG			DHG
71	DHM			DHM
72	DIG			DIG
73	DMC			DMC
74	DPG			DPG
75	DPM			DPM
76	DPR			DPR
77	DQC			DQC
78	DRC			DRC
79	DRH			DRH
80	DRL			DRL
81	DSN			DSN
82	DVP			DVP
83	DXG			DXG
84	DXS			DXS
85	EIB			EIB
86	ELC			ELC
87	EVE			EVE
88	EVF			EVF
89	EVG			EVG
90	FCM			FCM
91	FCN			FCN
92	FIT			FIT
93	FMC			FMC
94	FPT			FPT
95	FRT			FRT
96	FTS			FTS
97	GAS			GAS
98	GDT			GDT
99	GEG			GEG
100	GEX			GEX
101	GIL			GIL
102	GMC			GMC
103	GMD			GMD
104	GSP			GSP
105	GTA			GTA

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
106	GVR			GVR
107	HAH			HAH
108	HAP			HAP
109	HAR			HAR
110	HAX			HAX
111	HBC			HBC
112	HCD			HCD
113	HCM			HCM
114	HDB			HDB
115	HDC			HDC
116	HDG			HDG
117	HHP			HHP
118	HHS			HHS
119	HHV			HHV
120	HID			HII
121	HII			HMC
122	HMC			HPG
123	HPG			HPX
124	HPX			HQC
125	HQC			HSG
126	HSG			HSL
127	HSL			HT1
128	HT1			HTI
129	HTI			HTL
130	HTL			HTN
131	HTN			HTV
132	HTV			HUB
133	HUB			HVH
134	HVH			IBC
135	IBC			ICT
136	ICT			IDI
137	IDI			IJC
138	IJC			ILB
139	ILB			IMP
140	IMP			ITC
141	ITC			ITD
142	ITD			KBC
143	KBC			KDC
144	KDC			KDH
145	KDH			KHG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
146	KHG			KMR
147	KMR			KOS
148	KOS			KPF
149	KPF			KSB
150	KSB			L10
151	L10			LBM
152	LBM			LCG
153	LCG			LDG
154	LDG			LGC
155	LGC			LGL
156	LGL			LIX
157	LIX			LPB
158	LPB			LSS
159	LSS			MBB
160	MBB			MCP
161	MCP			MIG
162	MIG			MSB
163	MSB			MSH
164	MSH			MSN
165	MSN			MWG
166	MWG			NAF
167	NAF			NBB
168	NBB			NCT
169	NCT			NHA
170	NHA			NHH
171	NHH			NKG
172	NKG			NLG
173	NLG			NNC
174	NNC			NSC
175	NSC			NT2
176	NT2			NTL
177	NTL			NVL
178	NVL			OCB
179	OCB			OPC
180	OPC			ORS
181	ORS			PAC
182	PAC			PAN
183	PAN			PC1
184	PC1			PDN
185	PDN			PET

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
186	PDR			PGC
187	PET			PGD
188	PGC			PGI
189	PGD			PGV
190	PGI			PHC
191	PGV			PHR
192	PHC			PJT
193	PHR			PLP
194	PJT			PLX
195	PLP			PNJ
196	PLX			POW
197	PNJ			PPC
198	POW			PTB
199	PPC			PVT
200	PTB			QCG
201	PVT			RAL
202	QCG			REE
203	RAL			S4A
204	REE			SAB
205	S4A			SAM
206	SAB			SAV
207	SAM			SBA
208	SAV			SBT
209	SBA			SC5
210	SBT			SCR
211	SC5			SFC
212	SCR			SFG
213	SFC			SFI
214	SFG			SGN
215	SFI			SGR
216	SGN			SHA
217	SGR			SHB
218	SHA			SHI
219	SHB			SHP
220	SHI			SJS
221	SHP			SKG
222	SJS			SMB
223	SKG			SMC
224	SMB			SPM
225	SMC			SRC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
226	SPM			SRF
227	SRC			SSB
228	SRF			SSC
229	SSB			SSI
230	SSC			ST8
231	SSI			STB
232	ST8			STG
233	STB			STK
234	STG			SVC
235	STK			SVI
236	SVC			SVT
237	SVI			SZC
238	SVT			SZL
239	SZC			TBC
240	SZL			TCB
241	TBC			TCD
242	TCB			TCH
243	TCD			TCL
244	TCH			TCM
245	TCL			TCO
246	TCM			TCT
247	TCO			TDC
248	TCT			TDG
249	TDC			TDM
250	TDG			TDP
251	TDM			TEG
252	TDP			THG
253	TEG			THI
254	THG			TIP
255	THI			TLD
256	TIP			TLG
257	TLD			TLH
258	TLG			TMP
259	TLH			TMS
260	TMP			TN1
261	TMS			TNA
262	TN1			TNC
263	TNA			TNH
264	TNC			TPB
265	TNH			TPC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
266	TPB			TRA
267	TPC			TRC
268	TRA			TSC
269	TRC			TTA
270	TSC			TTB
271	TTA			TV2
272	TTB			TVB
273	TV2			TVS
274	TVB			TVT
275	TVS			TYA
276	TVT			UIC
277	TYA			VCB
278	UIC			VCG
279	VCB			VCI
280	VCG			VDP
281	VCI			VGC
282	VDP			VHC
283	VGC			VHM
284	VHC			VIB
285	VHM			VIC
286	VIB			VIX
287	VIC			VJC
288	VIX			VND
289	VJC			VNE
290	VND			VNL
291	VNE			VNM
292	VNL			VPB
293	VNM			VPG
294	VPB			VPH
295	VPG			VPI
296	VPH			VPS
297	VPI			VRC
298	VPS			VRE
299	VRC			VSC
300	VRE			VSH
301	VSC			VSI
302	VSH			VTO
303	VSI			YBM
304	VTO			YEG
305	YBM			

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
306	YEG			

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HNX tháng 11/2022

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAV			AAV
2	AMV			AMV
3	BAB			BAB
4	BAX			BAX
5	BCC			BCC
6	BCF			BCF
7	BNA			BNA
8	BPC			BPC
9	BTS			BTS
10	BVS			BVS
11	C69			C69
12	CAP			CAP
13	CDN			CDN
14	CEO			CEO
15	CLH			CLH
16	DDG			DDG
17	DHP			DHP
18	DHT			DHT
19	DL1			DL1
20	DNP			DNP
21	DP3			DP3
22	DTD			DTD
23	DXP			DXP
24	EID			EID
25	EVS			EVS
26	GIC			GIC
27	GKM			GKM
28	GMX			GMX
29	HAT			HAT
30	HCC			HCC
31	HDA			HDA
32	HHC			HHC
33	HJS			HJS
34	HLC			HLC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
35	HLD			HLD
36	HMH			HMH
37	HMR			HMR
38	HOM			HOM
39	HTC			HTC
40	HUT			HUT
41	HVT			HVT
42	IDC			IDC
43	IDJ			IDJ
44	IDV			IDV
45	INN			INN
46	IPA			IPA
47	ITQ			ITQ
48	LAS			LAS
49	LHC			LHC
50	LIG			LIG
51	MBG			MBG
52	MBS			MBS
53	MCF			MCF
54	MVB			MVB
55	NAG			NAG
56	NBC			NBC
57	NET			NET
58	NRC			NRC
59	NTP			NTP
60	NVB			NVB
61	ONE			ONE
62	PBP			PBP
63	PCE			PCE
64	PDB			PDB
65	PGN			PGN
66	PGS			PGS
67	PHN			PHN
68	PLC			PLC
69	PMC			PMC
70	PMS			PMS
71	PPS			PPS
72	PRE			PRE
73	PSD			PSD
74	PSE			PSE

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
75	PSI			PSI
76	PSW			PSW
77	PVB			PVB
78	PVC			PVC
79	PVG			PVG
80	PVI			PVI
81	PVS			PVS
82	QHD			QHD
83	RCL			RCL
84	S55			S55
85	S99			S99
86	SCI			SCI
87	SD5			SD5
88	SD9			SD9
89	SED			SED
90	SGC			SGC
91	SHN			SHN
92	SLS			SLS
93	TA9			TA9
94	TAR			TAR
95	TC6			TC6
96	TDN			TDN
97	TDT			TDT
98	THT			THT
99	TIG			TIG
100	TNG			TNG
101	TPP			TPP
102	TTC			TTC
103	TTT			TTT
104	TV3			TV3
105	TV4			TV4
106	TVD			TVD
107	VBC			VBC
108	VC2			VC2
109	VC3			VC3
110	VC7			VC7
111	VCC			VCC
112	VCS			VCS
113	VGS			VGS
114	VHE			VHE

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
115	VIF			VIF
116	VIT			VIT
117	VNC			VNC
118	VNF			VNF
119	VNR			VNR
120	VTV			VTV
121	WCS			WCS

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 11/2022 là https://www.shs.com.vn/News/2022121/1011567/shs-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-11-2022.aspx

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Quý Sở được biết.

Người lập	Kiểm soát	TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Khắc Thành	Ngô Thế Hiển	TỔNG GIÁM ĐỐC Vũ Đức Tiến

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN HÀ NỘI